

Biểu mẫu 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
TRƯỜNG TIỂU HỌC HAI BÀ TRƯNG

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ 6 tuổi, trẻ KT có thể học hoà nhập.	Hoàn thành chương trình lớp 1	Hoàn thành chương trình lớp 2	Hoàn thành chương trình lớp 3	Hoàn thành chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình 35 tuần; Dạy học 2 buổi/ngày	Chương trình 35 tuần; Dạy học 2 buổi/ngày	Chương trình 35 tuần; Dạy học 2 buổi/ngày	Chương trình 35 tuần; Dạy học 2 buổi/ngày	Chương trình 35 tuần; Dạy học 2 buổi/ngày
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	Phối hợp thông qua BCH Hội cha mẹ học sinh; qua sổ liên lạc; gọi điện thoại; gặp trực tiếp.	Phối hợp thông qua BCH Hội cha mẹ học sinh; qua sổ liên lạc; gọi điện thoại; gặp trực tiếp.	Phối hợp thông qua BCH Hội cha mẹ học sinh; qua sổ liên lạc; gọi điện thoại; gặp trực tiếp.	Phối hợp thông qua BCH Hội cha mẹ học sinh; qua sổ liên lạc; gọi điện thoại; gặp trực tiếp.	Phối hợp thông qua BCH Hội cha mẹ học sinh; qua sổ liên lạc; gọi điện thoại; gặp trực tiếp.
	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tích cực, chủ động, sáng tạo	Tích cực, chủ động, sáng tạo	Tích cực, chủ động, sáng tạo	Tích cực, chủ động, sáng tạo	Tích cực, chủ động, sáng tạo
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hoạt động GDNG lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, hoạt động Đội - Sao ...	Hoạt động GDNG lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, hoạt động Đội - Sao ...	Hoạt động GDNG lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, hoạt động Đội - Sao ...	Hoạt động GDNG lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, hoạt động Đội - Sao ...	Hoạt động GDNG lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, hoạt động Đội - Sao ...
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt Tốt, Đạt: 100%; Chất lượng học tập đạt và vượt	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt Tốt, Đạt: 100%; Chất lượng học tập đạt và vượt	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt Tốt, Đạt: 100%; Chất lượng học tập đạt và vượt	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt Tốt, Đạt: 100%; Chất lượng học tập đạt và vượt	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt tốt, Đạt: 100%; Chất lượng học tập đạt và vượt

	được	năm học trước, sức khoẻ tốt.	năm học trước, sức khoẻ tốt	năm học trước, sức khoẻ tốt	năm học trước, sức khoẻ tốt	năm học trước, sức khoẻ tốt
VI	Khả năng học tập tiếp tục của HS	Lên lớp 100%	Lên lớp 100%	Lên lớp 100%	Lên lớp 100%	Lên lớp 100%

Sơn Trà, ngày 30 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Minh Nga

Biểu mẫu 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ

TRƯỜNG TIỂU HỌC HAI BÀ TRƯNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	42	1,2
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	15500	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1900	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	
2	Diện tích thư viện (m ²)	48	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất (nhà đa năng) (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	48	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)		
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		

9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	48	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		42
1.1	Khối lớp 1		9
1.2	Khối lớp 2		8
1.3	Khối lớp 3		9
1.4	Khối lớp 4		8
1.5	Khối lớp 5		8
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		8
2.2	Khối lớp 2		9
2.3	Khối lớp 3		8
2.4	Khối lớp 4		8
2.5	Khối lớp 5		9
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	42	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	42	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	48

XI	Nhà ăn	
-----------	---------------	--

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	5		8		0.1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	5		8		0.1

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Sơn Trà, ngày 30 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Minh Nga

Biểu mẫu 08*(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng**Bộ Giáo dục và Đào tạo)***ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ****TRƯỜNG TIỂU HỌC HAI BÀ TRƯNG****THÔNG BÁO****Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học,****Năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	73		2	65	2	1	0	2	21	50	36	37		
I	Giáo viên văn hóa	49			46	2	1	0		12	37				
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc	/			/				/		/	/	/		
2	Ngoại ngữ	5		2	3					3	2	4	1		
3	Tin học	2			2					1	1	1	1		
4	Âm nhạc	2			2					1	1	2	0		
5	Mỹ thuật	2			2					1	1	2	1		
6	Thể dục	5			5					3	2	2	0		
II	Cán bộ quản lý	3			3						3	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	0			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	0			
III	Nhân viên	5			1				2		3				
1	Nhân viên văn thư	1					1		1			1			
2	Nhân viên kế toán	1			1						1	1			

3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1			1			1			1				
5	Nhân viên thư viện	1		1						1	1				
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1		1						1	1				
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	...														

Sơn Trà, ngày 30 tháng 6 năm 2024



Trần Thị Minh Nga